

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/07/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Bạch Long

2. Bà mai Thị Tuyết Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Trương Hải Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Thanh T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: **9 đường R, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Mỹ L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **9 đường R, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/04/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Võ Thanh T** trình bày:*

Ông và bà **Bùi Thị Mỹ L** tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2014 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2014 ngày 07/11/2014. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ ông thường đi đánh bài xuyên đêm, không chăm lo đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay hạnh phúc hôn nhân không đạt được, ông xin ly hôn với bà L.

Về con chung: có 04 con chung là Võ Thanh L1, sinh ngày 28/02/1997; Võ Thanh N, sinh ngày 03/8/1998; Võ Thanh H, sinh ngày 29/11/2000 và Võ Thanh V, sinh ngày 19/01/2004. Các con nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Bùi Thị Mỹ L: Bà L không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Ông Võ Thanh T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
2. Bà Bùi Thị Mỹ L vắng mặt không lý do.
3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; ông T đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bà L không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T vì có cơ sở; do bà L không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Bùi Thị Mỹ L. Bà L có nơi cư trú tại 9 đường R, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bà Bùi Thị Mỹ L để tham gia phiên hòa giải nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với bà L để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt bà **L** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông **Võ Thanh T** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **T** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Căn cứ vào lời khai của ông **Võ Thanh T** và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Ông **T** và bà **L** có đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống với nhau không hạnh phúc nên giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông **T** và bà **L** hiện nay đã ly thân.

Xét thấy ông **T** và bà **L** đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập bà **L** để tham gia phiên hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng bà **L** không tham gia phiên hòa giải thể hiện bà **L** không còn tha thiết với cuộc sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông **T** và bà **L** đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông **T** là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung: có 04 con chung là **Võ Thanh L1**, sinh ngày 28/02/1997; **Võ Thanh N**, sinh ngày 03/8/1998; **Võ Thanh H**, sinh ngày 29/11/2000 và **Võ Thanh V**, sinh ngày 19/01/2004. Các con nay đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông **T** phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Thanh T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Võ Thanh T** được ly hôn với bà **Bùi Thị Mỹ L** (Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2014 ngày 07/11/2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2. Về nuôi con chung: có 04 con chung là **Võ Thanh L1**, sinh ngày 28/02/1997; **Võ Thanh N**, sinh ngày 03/8/1998; **Võ Thanh H**, sinh ngày 29/11/2000 và **Võ Thanh V**, sinh ngày 19/01/2004. Các con nay đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông **Võ Thanh T** phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034655 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Ông **Võ Thanh T** đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thụ